

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2026/DS-PT

Ngày 20 - 01 - 2026

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phấn

Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 735/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 817/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1975;

2. Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1980;

Cùng cư trú ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh S, sinh năm 1980; cư trú ấp X, xã T, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2024, có mặt)

- Bị đơn: Ông Lâm Hữu P, sinh năm 1984; cư trú ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Hữu P: Ông Thạch Văn T1, sinh năm 1988; cư trú ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2024, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lữ Thị Mỹ D, sinh năm 1971;

2. Ông Lâm Văn T2, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng)

Cùng cư trú ấp A, xã C, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Lữ Thị Mỹ D: Ông Thạch Văn T1, sinh năm 1988; cư trú ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2024, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn N và Phạm Thị Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2024 của nguyên đơn ông Lê Văn N, bà Phạm Thị Ngọc T và các lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2018, vợ chồng ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T có mua thức ăn nuôi cá lóc của bà Lữ Thị Mỹ D, thỏa thuận khi bán cá thì trả tiền. Đến ngày 09/3/2022 bà D xác định vợ chồng ông N, bà T còn nợ số tiền 2.855.000.000 đồng, nên bà D được ông N và bà T giao 02 hàm cá bán để bán thu tiền trừ nợ. Sau đó bà D nhờ ông Lâm Hữu P (là em chồng) đứng ra bán 02 hàm cá cho bà Hồ Thị T3 và ông Trần Văn N1 được số tiền 2.730.096.000 đồng và ông P đã giao số tiền này cho bà D. Tuy nhiên sau đó bà D khởi kiện ông N, bà T đòi nợ và được Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 54/2023/QĐCNTT ngày 09/10/2023 (hòa giải thành theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án) xác định ông N, bà T còn nợ bà D 7.679.150.000 đồng, nhưng bà D không trừ số tiền bán cá 2.730.096.000 đồng nói trên. Vì vậy ông N, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Hữu P phải trả lại cho ông bà số tiền bán cá 2.730.096.000 đồng.

** Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lâm Hữu P trình bày:*

Vào tháng 02/2022 (âm lịch), ông Lâm Hữu P được bà Lữ Thị Mỹ D nhờ bán 02 hàm cá của ông N, bà T với số tiền 2.730.096.000 đồng; và được sự thống nhất của ông N và bà T, nên ông P đã giao toàn bộ tiền bán cá 2.730.096.000 đồng cho bà D để trừ tiền thức ăn. Vì vậy ông P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N, bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Thị Mỹ D trình bày:*

Từ năm 2018, bà có bán thức ăn nuôi cá lóc cho vợ chồng ông Lê Văn N, bà Phạm Thị Ngọc T. Tính đến ngày 02/11/2021, vợ chồng ông N còn nợ bà số tiền 6.728.000.000 đồng. Sau đó, được sự đồng ý của vợ chồng ông N nên bà nhờ ông Lâm Hữu P đứng ra kêu thương lái bán 02 hàm cá của vợ chồng ông N để trừ nợ, ông P bán cá được số tiền 2.730.096.000 đồng và đã giao đủ cho bà. Vợ chồng ông N có trả cho bà 02 lần tiền bằng 1.143.000.000 đồng, cộng với tiền bán cá 2.730.096.000 đồng, vợ chồng ông N đã trả cho bà được số tiền 3.873.096.000

đồng, ngày 09/3/2022 (âm lịch) chốt sổ thì vợ chồng ông N còn nợ bà số tiền 2.855.000.000 đồng.

Bà tiếp tục bán thức ăn cho vợ chồng ông N với số lượng lớn, đến ngày 29/9/2022 (âm lịch) ông N, bà T ký xác nhận còn nợ bà số tiền 7.842.150.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông N trả được 163.000.000 đồng, còn nợ 7.679.150.000 đồng. Do ông N, bà T không thực hiện cam kết trả nợ, nên bà đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 54/2023/QĐCNTT ngày 09/10/2023 và đã thi hành án xong.

Việc vợ chồng ông N yêu cầu ông P trả lại số tiền bán cá giùm 2.730.096.000 đồng là không có căn cứ, bởi số tiền này ông P đã đồng ý giao cho bà để trừ nợ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T2 (chồng bà D):*
Thông nhất với lời trình bày của bà D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T về việc yêu cầu ông Lâm Hữu P trả số tiền 2.730.096.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2025 nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Qua phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên cho rằng án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T được nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2024 (bút lục số 01) ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T trình bày có nội dung: Đến ngày 09/3/2022 sau nhiều đợt thu hoạch bà D cộng sổ lại vợ chồng tôi còn nợ bà D số tiền nợ cũ là 2.855.000.000

đồng, chúng tôi đã giao cho bà D 02 hàm cá lóc, bà D kêu em chồng là ông Lâm Hữu P bán 02 hàm cá được số tiền 2.730.096.000 đồng, ông P có nói với chúng tôi đã chuyển toàn bộ số tiền bán cá cho bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà D trình bày bà D đã nhận của ông P tiền bán 02 hàm cá của vợ chồng ông N với số tiền 2.730.096.000 đồng.

[4] Như vậy, việc ông P đứng ra bán 02 hàm cá lóc là thực hiện theo thỏa thuận giữa bà D và vợ chồng ông N, ông P chỉ là người đứng ra bán cá giùm, tiền bán cá ông P cũng đã giao cho bà D để khấu trừ tiền thức ăn mà vợ chồng ông N nợ, nên ông P không có nghĩa vụ gì đối với tiền bán cá. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và bà T đòi ông P trả số tiền bán cá 2.730.096.000 đồng là có căn cứ pháp lý.

[5] Ông N và bà T cho rằng số tiền bán cá nêu trên bà D chưa khấu trừ vào tiền thức ăn mà ông bà nợ, nên ngày 09/10/2023 Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 54/2023/QĐCNTT buộc ông bà phải trả cho bà D số tiền 7.679.150.000 đồng. Với sự kiện này lẽ ra ông N, bà T khởi kiện bà D mới đúng, nhưng với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (bút lục 91, 92) thể hiện số tiền 2.730.096.000 đồng ông P bán cá giùm đã được bà D khấu trừ vào tiền thức ăn mà vợ chồng ông N nợ, nên ngày 09/3/2022 (âm lịch) chốt sổ thì vợ chồng ông N còn nợ bà D số tiền 2.855.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ bà D tiếp tục bán thức ăn cho vợ chồng ông N, ngày 29/9/2022 (âm lịch) ông N, bà T ký xác nhận nợ bà D số tiền 7.842.150.000 đồng, sau đó vợ chồng ông N trả được 163.000.000 đồng, nên còn nợ số tiền 7.679.150.000 đồng đúng như Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 54/2023/QĐCNTT nêu trên.

[6] Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tái phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo không được nên ông N, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T về việc yêu cầu ông Lâm Hữu P trả số tiền 2.730.096.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lê Văn N và bà Phạm Thị Ngọc T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng mà ông N, bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004152, số 0004153 cùng ngày 03/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 - Vĩnh Long được khấu trừ vào số tiền ông N, bà T phải chịu. Ông N, bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 13 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13 - Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Lực